

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình:	QUẢN LÝ THỦY SẢN Fisheries Management
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Quản lý thủy sản
Mã số:	8620305
Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
Khối lượng kiến thức:	60 tín chỉ
Thời gian đào tạo:	2 năm đối với hình thức toàn thời gian, 2,5 năm đối với hình thức bán thời gian.
Khoa/Viện đào tạo:	Viện Khoa học và Công nghệ Khai thác thủy sản
Quyết định ban hành:	Số 1139/QĐ-ĐHNT ngày 24/9/2018.

I. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý thủy sản dành cho những người đã tốt nghiệp đại học thuộc nhóm ngành Thủy sản và các ngành gần có nhu cầu cập nhật, bổ sung và nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn quản lý ngành thủy sản.

II. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý thủy sản nhằm trang bị cho học viên kiến thức khoa học về quản lý trong lĩnh vực thủy sản, năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề trong chuỗi sản xuất nghề cá (nuôi trồng thủy sản, khai thác, chế biến, thương mại và dịch vụ nghề cá) và quản lý, tư vấn, hoạch định chính sách phát triển nghề cá.

III. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, học viên có khả năng:

- 1) Hoạch định, tổ chức, kiểm tra, giám sát các hoạt động trong lĩnh vực thủy sản.
- 2) Làm việc độc lập và tổ chức làm việc nhóm nhằm phát hiện, giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực quản lý thủy sản.
- 3) Đề xuất, tư vấn và tổ chức thực hiện các chương trình, đề tài, dự án trong lĩnh vực thủy sản.
- 4) Vận dụng cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ mới, nâng cao hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực thủy sản
- 5) Ứng dụng thiết bị, phương tiện hiện đại phục vụ nghiên cứu, quy hoạch và quản lý trong lĩnh vực thủy sản.
- 6) Sử dụng ngoại ngữ Tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh khác theo qui định.

IV. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- 1) Chuyên viên, cán bộ quản lý tại Tổng cục Thủy sản và Chi cục Thủy sản các địa phương; Chuyên viên, cán bộ quản lý tại các cơ quan, đơn vị về lĩnh vực thủy sản.
- 2) Cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp thủy sản, cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá.
- 3) Giảng viên trong các trường đại học, cao đẳng; nghiên cứu viên trong các viện/trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực thủy sản.

V. Đối tượng tuyển sinh và các môn thi tuyển

1. Điều kiện về văn bằng đại học và thâm niên công tác chuyên môn

TT.	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Hạng tốt nghiệp	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Thâm niên công tác
1	Ngành đúng, phù hợp	Chính quy	Trung bình	Không	0
	- Quản lý thủy sản. - Khai thác thủy sản (Khai thác - Hàng hải, An toàn Hàng hải). - Quản lý nguồn lợi thủy sản. - Kinh tế thủy sản, Kinh tế và quản lý thủy sản.				
2	Ngành gần	Chính quy	Trung bình	Có	0
	- Nuôi trồng Thủy sản; Bệnh học Thủy sản. - Chế biến thủy sản; Công nghệ sinh học; - Kỹ thuật tàu thủy; Cơ khí thủy sản; - Kinh tế nông nghiệp; Quản trị kinh doanh; Kinh tế phát triển; Quản lý kinh tế.				
3	Ngành khác	Chính quy	Khá	Có	2
	- Công nghệ thông tin, Kế toán, tài chính, Luật, Cơ khí (có thâm niên công tác trong ngành Thủy sản)				

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức:

Tùy theo chương trình học ghi trong bảng điểm, học viên thuộc đối tượng có bằng đại học ngành gần, phải học bổ túc tổng khối lượng các học phần không quá 12 tín chỉ trong số các học phần sau:

TT.	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	FIT348	Khai thác thủy sản	3
2	AQT369	Nuôi trồng thủy sản	3
3	SPT346	Chế biến thủy sản	3
4	FIT347	Kinh tế và quản lý nghề cá	3
5	FIT361	Nghề cá bền vững	2

6	NAV 347	Pháp luật hàng hải và nghề cá	2
7	FIT352	Quản lý khai thác thủy sản	2
8	FIT367	Quy hoạch và Chính sách nghề cá	2
9	AQT370	Đặc điểm sinh học các đối tượng Thủy sản	2

3. Các môn thi tuyển:

TT.	Môn thi
1	Toán cao cấp
2	Nghề cá bền vững
3	Tiếng Anh

VI. Cấu trúc chương trình

TT.	Nội dung	Số học phần	Số tín chỉ
1	Kiến thức chung	5	11
	- Bắt buộc	2	7
	- Tự chọn	3	4
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	16	34
	- Bắt buộc	10	22
	- Tự chọn	6	12
3	Luận văn thạc sĩ	1	15
	Tổng	22	60

VII. Nội dung chương trình

1. Danh mục học phần

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng CDR	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức chung		11		
1.1. Các học phần bắt buộc		7		
POS501	Triết học/ <i>Philosophy</i>	3(3-0)	2, 3	
FLS501	Tiếng Anh/ <i>English</i>	4(4-0)	2,3	
1.2. Các học phần tự chọn		4		
BUA521	Khoa học quản lý/ <i>Scientific Management</i>	2(2-0)	2, 3, 4	
BUA519	Nghệ thuật lãnh đạo/ <i>Leadership</i>	2(2-0)	2, 3, 4	
ECM508	Quản lý nhà nước về kinh tế/ <i>State Governance on Economy</i>	2(2-0)	2, 3, 4	
GS509	Quản lý dự án/ <i>Project Management</i>	2(1,5-0,5)	2, 3, 4	

2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		34		
2.1. Các học phần bắt buộc		22		
AQ549	Quản lý và sử dụng bền vững nguồn lợi/ <i>Sustainable use and management of Aquatic Resources</i>	2(2-0)	1, 2, 4, 5, 6	
FIM501	Quản lý nghề cá/ <i>Fishery Management</i>	2(2-0)	1, 2, 5, 6	
FIM508	Hợp tác quốc tế và nghề cá có trách nhiệm/ <i>International Cooperations and Responsibility Fisheries</i>	3(2,5-0,5)	1, 2, 5, 6	
FIM506	Khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản/ <i>Reasonable Fishing in Fisheries Resources</i>	2(2-0)	1, 2, 5	
TRE506	Thương mại Thủy sản/ <i>Fisheries Trade</i>	3(3-0)	1,2, 3, 4, 5	
FOT533	Quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm thủy sản/ <i>Aquatic Food Supply Chain Management</i>	2(2-0)	1,2, 3, 4, 5	
QFS502	Quản lý vệ sinh và an toàn thực phẩm đối với nghề cá/ <i>Food hygiene and safety management in Fisheries</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3, 4, 5	
NAV508	Luật biển và chiến lược biển Việt Nam trong lĩnh vực thủy sản/ <i>Law on the Sea and Sea Strategy in Fisheries of Vietnam</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3, 4, 5	
ECM502	Chính sách phát triển Thủy sản/ <i>Policies for Fisheries Development</i>	2(2-0)	1, 2, 3, 4, 5	
AQ551	Quy hoạch và quản lý nuôi trồng thủy sản/ <i>Planning and Management for Aquaculture Development</i>	2(2-0)	1,2, 3, 4, 5	
2.2. Các học phần tự chọn		12		
NAA517	Quy hoạch và quản lý đội tàu đánh cá/ <i>Planning and Management of Fishing Fleet</i>	2(1,5-0,5)	2, 4, 5	
FIB507	Phân tích và đánh giá dự án/ <i>Analysis and Approved Investment Project</i>	2(2-0)	1, 2, 5	
NAV509	Ứng dụng viễn thám và hệ thông tin địa lý trong quản lý thủy sản/ <i>Remote sensing and GIS application for fisheries management</i>	2(2-0)	2, 4, 5	
FIM507	Quản lý tổng hợp vùng bờ/ <i>General Management of Coastal Zones</i>	2(2-0)	1, 2, 3, 4, 5	
NAV510	Tìm kiếm cứu nạn và giám sát tàu cá trên biển/ <i>Surveillance and search, rescue for fishing vessels</i>	2(2-0)	1,2, 3, 4, 5	
AQ550	Phương pháp đánh giá nguồn lợi thủy sản/ <i>Fish Stock Assessment</i>	2(2-0)	1,2, 3, 4, 5	
FIT508	Cơ sở khoa học khai thác cá có chọn lọc/ <i>Scientific Basis of Selective Fishing</i>	2(2-0)	1,2, 3, 4, 5	

ECM503	Phương pháp điều tra, thống kê nghề cá/ <i>Fisheries Statistics and Data Collection</i>	2(1,5-0,5)	1,2, 3, 4, 5	
FIM502	Quản lý nghề cá dựa vào hệ sinh thái/ <i>Fisheries Management Based on the Ecosystem</i>	2(2-0)	1, 2, 4, 5, 6	
FIM503	Phương pháp nghiên cứu trong nghề cá/ <i>Research Methodologies in Fisheries</i>	2(1,5-0,5)	1,2, 3, 4, 5	
FIM504	Nghề cá và Quy hoạch tích hợp không gian ven biển/ <i>Fisheries and Integrated Coastal Marine Spatial Planning ICMSP.</i>	2(2-0)	1,2, 3, 4, 5	
FIM505	Quản lý và bảo tồn hệ sinh thái biển/ <i>Marine Ecosystem Conservation and Management</i>	2(2-0)	1,2, 3, 4, 5	
3. Luận văn		15		
FIT601	Luận văn thạc sĩ/ <i>Master Thesis</i>	15		
Tổng cộng:		60		

2. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

POS501 Triết học 3(3-0)

Học phần khái quát về các vấn đề: Các đặc trưng của triết học phương Đông, triết học phương Tây và triết học trước Mác; các nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó; quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học tự nhiên và khoa học xã hội; Ý thức khoa học; Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội; phân tích vai trò của khoa học đối với đời sống xã hội.

FLS501 Tiếng Anh 4(4-0)

Học phần cung cấp cho người học các bài đọc Tiếng Anh về các chủ đề: môi trường, con người, công nghệ, sức khỏe, phương tiện truyền thông, giáo dục và nghề nghiệp. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kỹ năng đọc lướt để tìm chủ đề, ý chính, ý tóm tắt, nội dung chi tiết, thái độ và quan điểm của tác giả đối với các dạng văn bản khoa học. Kỹ năng viết thư tín trao đổi công việc, viết báo cáo chuyên đề và viết bài luận bằng tiếng Anh.

BUA521 Khoa học quản lý 2(2-0)

Học phần đề cập hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý trong thế kỷ XXI; các quan điểm tiếp cận mới đối với các chức năng quản lý: Lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.

BUA519 Nghệ thuật lãnh đạo 2(2-0)

Học phần đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về nghệ thuật lãnh đạo, làm rõ sự khác biệt giữa quản trị và lãnh đạo. Học phần này đi sâu vào những vấn đề cơ bản như: cơ sở hình thành, cách thức sử dụng, duy trì và phát triển quyền lực. Cụ thể, nghiên cứu những phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, các tình huống, phong cách lãnh đạo và lãnh đạo mới về chất.

ECM508 Quản lý nhà nước về kinh tế 2(2-0)

sản quốc tế so với các nước đang phát triển và đang phát triển được lựa chọn.

FOT533 Quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm thủy sản 2(1,5-0,5)

Học phần trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm thủy sản, truy xuất nguồn gốc, quản lý lưu kho, quản lý vận chuyển, các mối quan hệ hậu cần và các dịch vụ của bên thứ ba, vai trò của thông tin trong quản lý chuỗi cung ứng, và mô hình tham khảo các hoạt động chuỗi cung ứng.

QFS502 Quản lý vệ sinh và an toàn thực phẩm đối với nghề cá 2(1,5-0,5)

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về vệ sinh, an toàn thực phẩm (nguyên nhân gây mất vệ sinh, an toàn thực phẩm và nguyên tắc phòng ngừa) và các phương pháp quản lý chất lượng (các hệ thống đảm bảo chất lượng) trong chuỗi cung ứng thực phẩm thủy sản; kỹ năng tìm kiếm các hệ thống văn bản pháp quy của Quốc tế và Việt Nam về vệ sinh và an toàn thực phẩm và ứng dụng vào công tác quản lý chất lượng thực phẩm thủy sản.

NAV508 Luật biển và chiến lược biển Việt Nam trong lĩnh vực thủy sản 2(1,5-0,5)

Học phần cung cấp các kiến thức về quá trình hình thành và phát triển luật biển quốc tế; nội dung luật biển quốc tế. Biển Đông và vấn đề chủ quyền biển đảo giữa các quốc gia. Luật biển Việt Nam; pháp luật biển Việt Nam trong quản lý thủy sản; vấn đề thực thi luật biển trong quản lý thủy sản ở Việt Nam.

ECM502 Chính sách phát triển thủy sản 2(2-0)

Học phần này sẽ trang bị cho học viên kiến thức về các chính sách phát triển nghề cá ở Việt Nam và thế giới theo quan điểm phát triển bền vững. Nội dung chính của học phần bao gồm các chính sách quản lý nguồn lợi, chính sách quản lý năng lực khai thác, chính sách tín dụng, chính sách trợ cấp... Học viên cũng sẽ được trang bị các kiến thức về một số cách tiếp cận và chính sách trong quản lý nghề cá đang được áp dụng phổ biến hiện nay như chính sách để thực thi mô hình đồng quản lý nghề cá, chính sách quản lý nghề cá dựa trên hệ sinh thái, chính sách quản lý tổng hợp vùng bờ.

AQ551 Quy hoạch và quản lý nuôi trồng thủy sản 2(2-0)

Học phần có 5 phần, gồm: Những vấn đề cơ bản liên quan quy hoạch và quản lý nuôi trồng thủy sản; Quản lý gắn với nuôi trồng thủy sản; Nguyên tắc quy hoạch; Trình tự xây dựng dự án quy hoạch và Các phương pháp đánh giá dùng trong quy hoạch và quản lý NTTS.

NAA517 Quy hoạch và quản lý đội tàu đánh cá 2(1,5-0,5)

Học phần nghiên cứu các nội dung liên quan đến việc xây dựng mô hình quy hoạch tối ưu và dựa trên cơ sở đó tổ chức quản lý đội tàu đánh cá hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nghề cá, gồm các chủ đề: Cơ sở lý thuyết toán tối ưu; Quy hoạch tối ưu đội tàu đánh cá; Tổ chức quản lý đội tàu đánh cá.

FIB507 Phân tích và đánh giá dự án 2(2-0)

Học phần cung cấp cho học viên nâng cao kiến thức về lập, phân tích và thẩm định dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư với mục tiêu sinh lời. Cụ thể là nội dung của dự án, quy trình lập dự án, phân tích và đánh giá tài chính của dự án theo quan điểm dòng tiền. Học viên thực hành phân tích đánh giá các dự án của các

- doanh nghiệp.
- NAV509** **Ứng dụng viễn thám và hệ thống tin địa lý trong quản lý thủy sản** **2(2-0)**
- Học phần giới thiệu cho người học về ảnh viễn thám và phần mềm xử lý; cấu trúc dữ liệu và bản đồ số hóa của hệ thống tin địa lý và ứng dụng vào quan trắc, giám sát, xác định các sự cố môi trường, điều tra nguồn lợi thủy sản và quản lý nuôi trồng thủy sản.
- FIM507** **Quản lý tổng hợp vùng bờ** **2(2-0)**
- Kiến thức cơ bản về vùng bờ, tài nguyên và các vấn đề liên quan đến quản lý vùng bờ; cách tiếp cận quản lý tổng hợp vùng bờ; xây dựng hồ sơ vùng bờ; thiết lập và thực hiện kế hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ; giám sát và đánh giá kế hoạch quản lý tổng hợp vùng bờ. Một số vấn đề về quản lý tổng hợp vùng bờ ở Việt Nam.
- NAV510** **Tìm kiếm cứu nạn và giám sát tàu cá trên biển** **2(2-0)**
- Học phần trang bị cho người học các kiến thức về tìm kiếm cứu nạn, an toàn cho người và phương tiện hoạt động thủy sản, phương pháp xác định vị trí tàu, điều động tàu tránh nạn trên biển, hoạt động giám sát tàu cá nhằm hỗ trợ quá trình quản lý tàu thuyền, ngư trường, truy xuất nguồn gốc sản phẩm hải sản khai thác.
- AQ550** **Phương pháp đánh giá nguồn lợi thủy sản** **2(2-0)**
- Học phần cung cấp những kiến thức về quần thể và sự biến động quần thể cá, các phương pháp đánh giá trữ lượng, và điếm qua một số kết quả nghiên cứu trữ lượng cá biển Việt Nam.
- FIT508** **Cơ sở khoa học khai thác có chọn lọc** **2(2-0)**
- Học phần trang bị cho người học khái niệm cơ bản về khai thác cá có chọn lọc; Cường độ khai thác và cách xác định; Đơn vị đo mức độ khai thác; Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của việc nghiên cứu tính chọn lọc; Tính chọn lọc trong khai thác thủy sản do đặc điểm sinh học của đối tượng đánh bắt, do đặc điểm nghề; Các nhân tố ảnh hưởng đến tính chọn lọc của ngư cụ; Phương pháp xác định và đánh giá tính chọn lọc của ngư cụ.
- ECM503** **Phương pháp điều tra thống kê nghề cá** **2(1,5-0,5)**
- Học phần trang bị cho học viên kiến thức về các phương pháp điều tra dữ liệu và phân tích thống kê trong nghề cá quy mô nhỏ để thực hiện ước lượng các thông số quan trọng phục vụ công tác quản lý nghề cá với độ chính xác mong muốn và chi phí thấp nhất có thể. Nội dung chính của học phần bao gồm: (i) tầm quan trọng của thông tin thống kê nghề cá; (ii) các chỉ số và chuẩn mực về điều tra dữ liệu nghề cá (theo chuẩn của FAO); (iii) phương pháp thiết kế mẫu và xây dựng chương trình điều tra dữ liệu nghề cá quy mô nhỏ; (iv) phương pháp phân tích dữ liệu thống kê nghề cá quy mô nhỏ.
- FIM502** **Quản lý nghề cá dựa vào hệ sinh thái** **2(2-0)**
- Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ sinh thái, phân vùng chức năng hệ sinh thái và vai trò hệ sinh thái đối với nghề cá; nội dung của phương thức tiếp cận hệ sinh thái trong quản lý nghề cá; nguyên tắc tiếp cận và áp dụng mô hình quản lý nghề cá dựa vào hệ sinh thái.

FIM503	Phương pháp nghiên cứu trong nghề cá	2(1,5-0,5)
	<p>Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết để chuẩn bị và thực hiện một nghiên cứu với đặc thù của lĩnh vực nghề cá, nội dung chính bao gồm: xác định vấn đề nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu; lựa chọn khung phân tích và thiết kế nghiên cứu; thiết kế mẫu và thu thập thông tin; phân tích số liệu; viết và trình bày kết quả nghiên cứu.</p>	
FIM504	Nghề cá và Quy hoạch tích hợp không gian ven biển	2(2-0)
	<p>Học phần giới thiệu phương thức tiếp cận mới trong quản lý nghề cá – đó là tiếp cận đa ngành, đa biên trong sử dụng tài nguyên, môi trường, không gian ven biển; nhận dạng các xung đột, mâu thuẫn giữa hoạt động nghề cá (khai thác, nuôi trồng, hạ tầng, hậu cần và dịch vụ nghề cá,...) với các hoạt động kinh tế khác trong vùng ven biển; các xung đột, chồng lấn về chính sách, thể chế quản lý đơn ngành; xây dựng ma trận xung đột và tương thích của các hoạt động; dự báo tương lai và các kịch bản phát triển; hoạch định và quy hoạch tích hợp nghề cá với các hoạt động kinh tế biển khác đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững</p>	
FIM505	Quản lý và bảo tồn hệ sinh thái biển	2(2-0)
	<p>Học phần cung cấp cho người học kỹ năng nghề nghiệp trong việc quản lý các khu bảo tồn biển, các khu vực đảo, vịnh, quản lý hệ sinh thái nhằm bảo tồn các hệ sinh thái trong khu vực được bền vững...</p>	
FIT601	Luận văn thạc sĩ	15
	<p>Luận văn thạc sĩ là một công trình khoa học có tính hệ thống và hoàn chỉnh do học viên độc lập thực hiện dưới sự hướng dẫn khoa học của giảng viên. Đề tài luận văn thạc sĩ là một chuyên đề khoa học hoặc quản lý cụ thể do Trường giao hoặc do học viên tự đề xuất, được người hướng dẫn đồng ý. Nội dung luận văn phải thể hiện được các kiến thức về lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực chuyên môn, phương pháp giải quyết vấn đề đã đặt ra.</p>	

3. Đề cương các học phần: kèm theo chương trình này

4. Các chủ đề chính của đề tài luận văn thạc sĩ:

- 1) Quy hoạch và quản lý khai thác thủy sản.
- 2) Quy hoạch và quản lý nuôi trồng thủy sản.
- 3) Quản lý và sử dụng bền vững nguồn lợi thủy sản.
- 4) Thiết bị và phương pháp bảo quản sau thu hoạch.
- 5) Đánh giá nguồn lợi thủy sản.
- 6) Quy hoạch cơ cấu nghề nghiệp.
- 7) Kiểm tra, kiểm soát, giám sát chất lượng thủy sản
- 8) Đánh giá hiệu quả sản xuất trong khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản
- 9) Kinh tế Thủy sản
- 10) Cơ chế và chính sách phát triển Thủy sản bền vững
- 11) Quản lý chuỗi giá trị Thủy sản bền vững
- 12) Chiến lược phát triển kinh tế Thủy sản bền vững